

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HS-ST  
Ngày: 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Duy Thanh;
2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm 1997, nơi sinh: K – An Giang; Nghề nghiệp: không; Nơi cư trú: tổ 14, ấp K1, xã T, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn TN, sinh năm 1969 và bà Ngô Thị O, sinh năm 1975; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; chung sống như vợ chồng với Đỗ Thị Ngọc H2, sinh năm 1992, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13/8/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Nguyễn Văn TN, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ 23, khóm X, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

***Người làm chứng:***

1. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1960, vắng mặt.
2. Bà Đỗ Thị Ngọc H2, sinh năm 1992, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 24/6/2020 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng phối hợp Công an thành phố K và Công an phường S, thành phố K kiểm tra nhà trọ Võ Thị Kim H thuộc tổ 20, khóm Y, phường S, thành phố K phát hiện bắt quả tang Nguyễn Tấn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; thu giữ 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh kéo, chứa tinh thể trắng, 01 chai nhựa trong suốt có nắp màu đỏ (dụng cụ dùng ma túy), 01 xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE biển số 67E1 – 016.10, giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Văn TN (cha ruột của T) và số tiền 9.400.000 đồng. T khai ma túy đá mua của người thanh niên tên G không rõ lý lịch ở thành phố E cất giấu để sử dụng dần; tiền và xe mô tô của ông TN đưa cho T đem đến Bệnh viện để khám chữa bệnh cho Ngô Thị O (mẹ ruột của T).

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh kéo chứa tinh thể trắng, 01 chai nhựa trong suốt có nắp màu đỏ dụng cụ dùng ma túy; số tiền 9.400.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 67E1 – 016.10, giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Văn TN.

Kết luận giám định số 150/KLGT-PC09 ngày 11/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, xác định: mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 3,6611 gam.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKSCĐ ngày 07/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Nguyễn Tấn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ông Nguyễn Văn TN khai: Ông là cha ruột của bị cáo, không biết bị cáo dùng xe của ông đi sử dụng ma túy. Ông đã nhận lại số tiền 9.400.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 67E1 – 016.10 và giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định cùng dụng cụ sử dụng ma túy theo luật định.

Đối với người thanh niên G không rõ họ, địa chỉ cụ thể, bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### *Về tố tụng:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người làm chứng Võ Thị Kim H, Đỗ Thị Ngọc H2 vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt. Xét, những người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

#### *Về nội dung:*

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai, bị cáo có điện thoại để mua ma túy với giá 2.000.000 đồng của G không rõ họ, địa chỉ cụ thể từ thành phố E gửi về thành phố K qua trạm xe Huệ Nghĩa để sử dụng dần. Khoảng 17 giờ ngày 24/6/2020 bị cáo đến nhà trọ để sử dụng ma túy cùng Đỗ Thị Ngọc H2, khi bị cáo lấy ma túy ra sử dụng thì bị Công an bắt quả tang, lập biên bản. Đối với chiếc xe biển số 67E1 – 016.10 là của cha bị cáo Nguyễn Văn TN không biết bị cáo lấy xe đi sử

dụng ma túy; số tiền 9.400.000 đồng là của cha bị cáo đưa bị cáo mang đến bệnh viện cho mẹ bị cáo (Ngô Thị O) để trị bệnh.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tờ tự khai của bị cáo và lời khai của những người làm chứng, Kết luận giám định số 150/KLGT-PC09 ngày 11/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ đó có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi cất giấu trái pháp luật chất ma túy với khối lượng ma túy (Methamphetamine) là 3,6611 gam; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, không có nghề nghiệp; xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 9.400.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 67E1 – 016.10; giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Văn TN đã được Cơ quan điều tra giao trả cho ông Nguyễn Văn TN nên không đề cập xem xét lại.

- 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 150/KLGT-PC09 (MT) ngày 11/7/2020, có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố K và các chữ ký ghi tên A; B, đây là vật cấm lưu hành, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có hai lỗ nhỏ, một lỗ gắn ống thủy tinh, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng, đây là dụng cụ sử dụng ma túy, xét tịch thu tiêu hủy.

[7] Những vấn đề khác:

Đối với người thanh niên tên G không rõ họ, địa chỉ cụ thể, bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.*

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Tấn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 13/8/2020.

*Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;*

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 150/KLGT-PC09 (MT) ngày 11/7/2020, có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K và các chữ ký ghi tên A; B;

- 01 chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có hai lỗ nhỏ, một lỗ gắn ống thủy tinh, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng.

*(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K ngày 27/8/2020).*

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Phương**